

Phút giải lao của Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp

“Vị lãnh tụ tối cao, vị nguyên thủ quốc gia cao tuổi như Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân ra tiền tuyến cùng quân dân đánh giặc xâm lăng. Thật là xưa nay hiếm!”

Đó là nhận xét của nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An⁽¹⁾ khi trả lời nhà báo Trần Dương lúc được hỏi cảm tưởng của nghệ sĩ về những bức ảnh Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới (1950). Thoáng cái đã sáu mươi năm qua đi, những nhân chứng trong những bức ảnh Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới phần nhiều đã thành người thiên cổ, chỉ còn Đại tướng

(1) Nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An (1916 - 2004) nguyên Giám đốc Hãng phim truyện Việt Nam, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (1996).

- Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đang ở tuổi đại thọ một trăm tuổi.⁽¹⁾

Trong gia tài nghệ thuật nhiếp ảnh của Vũ Năng An đưa ông đến với giải thưởng Hồ Chí Minh ngay đợt đầu tiên (1996), có bức ảnh nổi tiếng: "Bác Hồ tại mặt trận Đông Khê", đã được nhiều người biết đến. Duy có câu chuyện về phút ngả lưng trên đường đi Chiến dịch Biên giới (1950) giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thì cứ cuốn hút tôi mãi...

Mùa xuân năm 1950, sau bốn năm kháng chiến gian khổ, quân dân ta đã vươn lên chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Quyền chủ động trên chiến trường đã không còn thuộc về quân đội Pháp. Trung ương Đảng và Bác Hồ đã quyết định mở thông biên giới phía Bắc để nối liền căn cứ địa kháng chiến với bạn bè quốc tế.

... Cuối tháng 7, trước khi lên đường đi chiến dịch, Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp từ Diêm Mạc sang Tân Trào báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh để lên đường.

(1) Bài này tác giả viết năm 2010. (BT)

Khi chia tay, Bác nói: "Chiến dịch này hết sức quan trọng, chỉ được thắng không được thua!" Đồng thời Bác hẹn cuối tháng 8 hoặc đầu tháng 9 sẽ có mặt ở Cao Bằng. Nghe Cụ nói xong, anh Văn vui mừng khôn xiết. Sự có mặt của Cụ là một nguồn động viên vô giá đối với toàn quân. Nhưng ngay sau đó là một nỗi lo: Lãnh tụ tối cao ra tận nơi mũi tên hòn đạn là chuyện hiếm thấy. Phải làm sao bảo đảm bí mật, an toàn cho chuyến đi của Cụ ra mặt trận.

Một ngày đầu tháng 9 năm 1950, từ ngôi nhà sàn tre nửa cạnh bản Khuân Tác, ở huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Bác Hồ đã lên đường đi chiến dịch. Cùng với đoàn tùy tùng, nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An được cử đi chụp ảnh Bác Hồ suốt dọc đường hành quân ra trận...

Trong khi Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch triệu tập cuộc họp cán bộ chỉ huy từ trung đoàn trở lên thông qua kế hoạch đánh Đông Khê lần cuối, làm đột phá khẩu mở màn, thì Bộ Chỉ huy nhận tin Cụ Hồ đã đến

Sở Chỉ huy ở Tả Phầy Tử. Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp vội lên ngựa đi đón.

Chiều hôm đó, khi nghe Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp báo cáo phương án tác chiến mới của Bộ Chỉ huy chiến dịch: mở đầu bằng tiêu diệt Đông Khê, tiếp theo là diệt quân viện, đánh Thất Khê, cuối cùng là tập trung lực lượng giải phóng Cao Bằng, Cụ gạt đầu, vừa giơ từng ngón tay vừa nhắc lại: "Một là đánh Đông Khê, hai là đánh quân tiếp viện, ba là đánh Thất Khê, bốn là đánh Cao Bằng, tất cả là bốn bước... Đông Khê không lớn. Ta đánh vào Đông Khê là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu, nhưng lại là vị trí rất quan trọng của địch trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn. Mất Đông Khê, Cao Bằng sẽ hoàn toàn chơ vơ. Địch buộc phải cho quân ứng cứu, bộ đội sẽ có cơ hội tiêu diệt chúng. Quân ứng cứu địch đã tan thì khó giữ nổi Cao Bằng; chúng rút khỏi Cao Bằng, ta đánh càng thuận lợi."

Chiều hôm sau, Hồ Chủ tịch đến thăm và động viên cán bộ đang dự hội nghị. Sự có mặt của Cụ là một điều bất ngờ lớn, đồng thời

cũng là một nguồn động viên vô giá đối với mọi người. Bằng cách nói giản dị, Cụ nhắc lại vì sao thay đổi kế hoạch tác chiến:

“... Trong quân sự phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại. Dũng cảm là khôn. Không phải chỉ một người kiên quyết và bạo dạn, mà phải toàn bộ, tất cả mọi người. Muốn toàn bộ kiên quyết, dũng cảm thì phải có kỉ luật. Kỉ luật là động lực giữ sức mạnh cho bộ đội.”

Ngày 18 tháng 9 năm 1950, mắt xích Đông Khê bị chặt đứt, trận mở màn thắng lợi! Địch chết và bị bắt 300 tên. Một số chạy thoát về Thất Khê. Ta thu toàn bộ vũ khí. Giải phóng xong Đông Khê, trong mệnh lệnh tác chiến số 4 đề ngày 21 tháng 9, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhận định: Địch sẽ đưa quân, từ 2 đến 3 tiểu đoàn bộ binh từ Thất Khê kết hợp với khoảng 1 tiểu đoàn quân dù, chiếm lại Đông Khê. Đại tướng lệnh cho bộ đội triển khai trận địa sẵn sàng đánh quân tăng viện của địch.

Theo đúng mệnh lệnh, các đơn vị nhanh chóng triển khai đội hình đánh viện binh.

Đã gần một tuần mà vẫn không thấy bóng địch. Gạo trong kho hậu cần cạn dần. Đại tướng Trần Canh - khách mời của Hồ Chủ tịch từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phó tư lệnh dã chiến quân (phiên chế cao nhất trong tổ chức Giải phóng quân Trung Quốc lúc đó, tương đương với phương diện quân của Liên Xô), và là Trung ương Ủy viên dự khuyết của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đang có mặt tại đường số 4. Tuy là khách, nhưng trong những năm chiến tranh ở Trung Quốc, đồng chí Trần Canh thường được cử tới những nơi nào có khó khăn, nên Bác dặn mình cố gắng tranh thủ ý kiến và kinh nghiệm.

Đại tướng Trần Canh nói với Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp:

- Võ Tổng thấy thế nào! Hay là thu quân thôi! Viện binh địch không lên. Quân địch ở Thất Khê đã tăng lên 4 tiểu đoàn. Bộ đội Việt Nam đánh công kiên quá kém. Không thể đánh Thất Khê. Cũng không thể đánh Cao Bằng. Muốn đánh Cao Bằng phải xây dựng một trận địa chiến hào như Giải phóng quân đánh Hoài Hải!

... Hồ Chủ tịch cùng với Đại tướng ngả lưng trao đổi giữa dọc đường từ Đông Khê đến Thất Khê trong khi chờ đợi đánh quân tiếp viện... Ngay lúc ấy, Vũ Năng An chớp cơ hội đưa ông kính lại gần và không hề biết rằng sau này giây phút ấy sẽ trở thành một bức ảnh tư liệu quý giá.

Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đặt vấn đề: Kết quả chiến dịch sẽ ra sao nếu chỉ dừng lại ở chiến thắng Đông Khê? Ông chủ trương kiên trì chờ viện. Cuối cùng, Hồ Chủ tịch và đồng chí Trần Canh đồng ý trong khi chờ đợi quân viện, dùng một bộ phận nhỏ đánh những đơn vị nhỏ của địch, và chuẩn bị giải phóng Thất Khê.

... Tối 1 tháng 10, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 209 Lê Trọng Tấn báo cáo khẩn cấp tin rất đông quân địch - cả quân dù và quân Tabor (lính Bắc Phi) - đã xuất hiện trước Đông Khê. Địch từ Thất Khê lên. Chắc chúng muốn chiếm lại Đông Khê.

Khi nghe tin quân địch từ Thất Khê lên, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Vô luận ý định của địch như thế nào (đánh chiếm lại

Đông Khê hay đón quân từ Cao Bằng rút về), chúng điều quân lên Đông Khê là hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã đến. Có mặt ở Sở Chỉ huy lúc đó, Cụ Hồ động viên Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp: "Cơ hội rất tốt đã xuất hiện, không được bỏ lỡ."

Quả là cơ hội không thể bỏ lỡ, đường số 4 trở thành "con đường tử địa" đối với người Pháp, Cốc Xá - 477 trở thành điểm hội ngộ của hai viên trung tá Lơ-pa-giơ (Lepage) và Sác-tông (Charton) - hai tù binh của những người lính áo vải chân đất.

Chỉ trong mười ngày, từ ngày 13 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950, địch đã rút khỏi phòng tuyến dài 100 cây số trên đường số 4 từ Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu tới sát Tiên Yên. Sở Chỉ huy Khu Biên thùy Đông Bắc đã chuyển về vùng bờ biển Tiên Yên. Một vùng rộng lớn ở Đông Bắc không còn quân giặc. Bên kia biên giới là cả một hậu phương vô cùng rộng lớn, chạy dài từ Á sang Âu.

Còn Đại tướng - Tổng Tư lệnh lúc đó đang trên đường về Lam Sơn. Đến Đông Khê,

ông đề nghị cả đoàn tùy tùng dừng lại, tìm một ngôi nhà nghỉ tạm qua đêm để ngày mai đi tiếp (...). Giờ đây chiến trường đã im tiếng súng, lần đầu tiên những người gần gũi Đại tướng trong Sở Chỉ huy cảm thấy vị thủ trưởng gần sang tuổi tứ tuần của mình có dáng mệt mỏi. Ông nói cảm thấy đầu óc nặng trĩu. Và một tình huống bất ngờ thú vị đã xảy ra. Đúng lúc đó, từ căn nhà sàn nào đó của cái bản hẻo lánh bỗng vang ra những tiếng đàn, và như sau này Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ức:

"Những âm thanh bất ngờ đó như một liều thuốc kì diệu nhanh chóng xua tan mọi nỗi mệt nhọc sau một chặng đường chinh chiến. Tôi ngỡ ngàng cứ như lần đầu nghe thấy những âm thanh này. Những âm thanh kì lạ. Những mệt mỏi tiêu tan. Nó giống như một lần leo sườn dốc đứng ngọt ngào từ Khuôn Chu lên đỉnh Tam Đảo bỗng được tắm mình trong hơi sương mát lạnh và luồng gió lành đầy sinh khí nơi non cao."

Tiếng đàn bỗng ngưng bật. Như luyện tiếc những âm thanh ngọt ngào thoát đến thoát đi.

Tình hình chung thời gian này không có gì khẩn trương, Đại tướng - Tổng Tư lệnh chỉ đạo văn phòng tạm ngừng liên lạc điện đài với các nơi trong một giờ, rồi cử cán bộ đi tìm người vừa đánh đàn, và mời xem có thể mang đàn sang căn nhà sàn đang nghỉ chơi một vài bài.

Lát sau, một chiến sĩ trẻ ôm cây ghi ta bước vào. Họ cùng nhau ngồi nghe âm nhạc trong suốt khoảng thời gian chừng một giờ. Người chiến sĩ trẻ ắt hẳn không biết những "thính giả" trong căn nhà đơn sơ này là những ai và càng không ngờ rằng bằng cây đàn ghi ta rất tầm thường của mình, anh đã đem lại cho người đứng đầu toàn quân những giây phút dịu êm sau những ngày cầm quân bận rộn và căng thẳng.

Đúng như Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ức: "Hình như Pi-ta-go (Pythagore), một nhà hiền triết Hi Lạp ở thế kỉ V trước Công nguyên, đã nói âm nhạc có khả năng thanh lọc tâm hồn con người."

Cán bộ nữ phải sát quần chúng!

*(Theo hồi ức của bà Lê Minh Hiền, nữ Thứ trưởng đầu tiên
của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa)*

Đó là điều bà Lê Minh Hiền luôn ghi nhớ mỗi khi tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các chuyến công tác xuống cơ sở. Vì vậy, là một cán bộ giữ cương vị lãnh đạo trong cơ quan, bà luôn nhiệt tình, chủ động, hăng hái trong công tác, không ngại khó, ngại khổ, lắng nghe, đi sâu đi sát quần chúng để có những đề xuất kịp thời với Chính phủ.

Một kỉ niệm trong hồi ức của bà Lê Minh Hiền, đó là sau năm 1954, có khoảng năm, sáu nghìn cán bộ miền Nam tập kết ra miền Bắc được đưa lên nông trường ở Yên Bái,

Lào Cai. Do cuộc sống gian khổ, không quen khí hậu miền Bắc nên số đông bị ốm, rồi lại hết việc làm. Với ý nghĩ hai năm sẽ trở về quê hương nay gặp quá nhiều khó khăn, nhiều người suy sụp cả thể chất và tinh thần. Trong hồi kí của mình, bà Lê Minh Hiền nhớ lại:

"Trước tình hình đó, Nhà nước chủ trương lập các khu điều dưỡng cho cán bộ miền Nam. Bộ Tài chính cấp tiền, Bộ Cứu tế đảm nhận việc tổ chức trại. Lúc ấy, đồng chí Nguyễn Xiển làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế, còn tôi làm Thứ trưởng và được giao nhiệm vụ tổ chức các trại điều dưỡng. Chúng tôi xin đất của các xã, tổ chức cơ sở ăn, ở, sinh hoạt hợp hành với chế độ 26 đồng/ tháng cho một người. Anh em tự tổ chức và quản lí mọi sinh hoạt của mình có hội đồng kiểm tra việc chi tiêu với chế độ tài chính công khai nên đời sống anh em tương đối đảm bảo. Các trại đều thành lập Ban Y tế để chăm sóc sức khỏe cho anh em. Bộ Y tế phối hợp với Bộ Cứu tế tổ chức khám bệnh, chữa bệnh định kì cho số người bị bệnh nặng còn số

anh em bị bệnh mãn tính nặng do Y tế quản lí lâu dài...

Tình hình tổ chức các trại dần dần ổn định và đã mở được tám, chín trại. Có trại ở gần như Thanh Trì, Hà Nội, có trại ở xa như Quảng Ninh. Tôi biết Bác rất quan tâm đến các cán bộ miền Nam tập kết vì Bác thường xuyên hỏi thăm tình hình và hẹn khi có điều kiện thì đi thăm hỏi. Vì vậy, khi chúng tôi mời Bác về thăm anh em ở các trại ở Thường Tín và Thanh Trì thì Bác nhận lời ngay.

Trong ba trại đó có hai trại đã có nhà xây trên đất của hợp tác xã, còn một trại gồm số đông người già phải ở nhờ đình, chùa của địa phương... Để chuẩn bị cho Bác tới thăm, bộ phận bảo vệ Bác đã về trước nắm tình hình, chuẩn bị những điều cần thiết. Vì giữ bí mật tuyệt đối, kể cả người phụ trách trại cũng không biết nên khi Bác về trại ở Thanh Trì thì đúng lúc xã viên ở đó mượn hội trường của trại và đang họp. Trại xây trên khu đất rộng, Bác chưa vào hội trường vội, Bác đi một lượt thăm mọi nơi, mọi chỗ ăn chỗ ở, Bác thấy sạch sẽ, vừa ý. Bác hỏi tôi:

- Lúc nào cũng sạch sẽ như thế này à?

- Thưa Bác, vâng ạ!

Ánh nắng dịu nhẹ của buổi sáng chuyển sang trưa cũng gay gắt dần. Tôi sợ nắng không đảm bảo sức khỏe của Bác, vả lại vào hội trường, có nơi ngồi trật tự, Bác nói chuyện với anh em tiện hơn nên mời Bác vào hội trường. Bác bảo: "Người ta đang họp mình vào làm gì? Thôi để cho người ta họp." Bác chỉ một góc sân: "Thôi, ta đứng ở đây." Anh em đi theo Bác, thấy Bác ngồi xuống đất thì tất cả đều ngồi xung quanh. Bác bắt đầu nói chuyện. Bà con ngồi trong hội trường phát hiện ra Bác liền kéo ra ngồi xúm xít với anh em ở trại và hoan hô "Hồ Chí Minh muôn năm!" Anh em bảo vệ ở vào thế lúng túng. Tôi bảo anh em kiếm một cái nón che cho Bác đỡ nắng. Bác nói chuyện xong rồi chào đồng bào để sang thăm trại bên cạnh, không đi vào hội trường nữa.

Sang trại thứ hai, Bác cũng đi thăm suốt một lượt nơi ăn chốn ở của anh em. Thấy sạch sẽ Bác rất vui lòng. Khi biết Bác đến, anh em xúm quanh đông nghịt. Nắng lên,

đông người, ngọt ngào quá. Tôi rất lo cho Bác nhưng Bác vẫn đứng yên. Trại trưởng bảo anh em ngồi xuống để Bác nói chuyện. Tất cả mọi người nhìn Bác không chớp mắt, người ta chỉ cốt nhìn Bác. Có người nói: "Trống ngực mình cứ đánh thình thình."

Có mấy bệnh nhân mù, Bác đến tận giường thăm ân cần làm mọi người rất cảm động. Thấy Bác mệt, tôi chỉ muốn Bác đi thăm nhanh nhưng ở mỗi trại Bác đều ở gần hai tiếng. Khi còn một trại gồm các bác già ở nhờ chùa làng cách đó 500 mét, không đi bằng ô tô được, anh em bảo vệ trại sợ Bác mệt nên không muốn Bác sang nữa. Có đồng chí thưa: "Thưa Bác, phải đi bộ." Bác bảo: "Thì đi chứ sao, người ta đi được thì mình đi được." Biết Bác sẽ sang trại ở chùa, số người đã sang chạy tất nhanh về trại mình để đón Bác.

Bác đi trên bờ ruộng, có một bà gánh quang gánh đi trước. Bác hỏi: "Bà bán cái gì đây, bán có được không, có đủ ăn không?" Bà kia vừa đi vừa trả lời các câu hỏi của Bác, nhưng không quay lại. Đến đầu làng, nhìn lại, thấy Bác, bà ta vắt cả quang gánh la lên:

"Ồi giời ơi! Bác Hồ." Bà con ở làng gần trại cũng chạy ra, cùng với các bác già của trại quây quần nghe Bác nói chuyện. Sau khi thăm các trại điều dưỡng, Bác còn đến thăm Trường Nữ sinh Trưng Vương. Các cháu như đàn ong, quây quanh lôi kéo Bác, Bác thăm mệt toát cả mồ hôi. Tôi liền ngăn: "Ô, các cháu đi xuống đi, làm thế Bác mệt," nhưng Bác bảo: "Kệ các cháu."

Trên đường về tôi được ngồi chung ô tô với Bác, đồng chí Vũ Kỳ và một đồng chí bảo vệ của Bác. Nhớ lại lúc vào thăm trại đầu tiên, Bác bảo tôi: "Cô cậy có cái hội trường to à! Người ta đang họp, cô bảo tôi vào để bà con phải đi ra à!" Tôi không đồng ý với Bác nên thưa lại: "Bác đi ra ngoài trời nắng, liệu sức khỏe Bác có chịu nổi không? Trời đang nắng, nó rọi vào người, chúng cháu phải giữ sức khỏe cho Bác chứ." Bác vẫn bảo: "Nắng một tí có can gì đâu mà lo." Tôi vẫn không chịu: "Nhưng khi bà con biết có Bác đến, bà con cũng bỏ hội trường ra hết bên ngoài để đón Bác cơ mà..."

Có nhiều dịp được tiếp xúc làm việc gần Bác, tôi thấy Bác rất quan tâm đối với cán bộ

miền Nam cũng như đối với phụ nữ. Bác lắng nghe và ân cần chăm sóc thăm hỏi đồng viên họ; khuyên bảo cán bộ phụ nữ phải đi sát quần chúng, phải biết nấu cơm, phải biết tắm rửa cho trẻ con. Đối với dân, Bác rất tôn trọng, quan tâm đến đời sống, sinh hoạt của mọi người. Bác sống rất giản dị, thanh đạm. Công ơn Bác như trời bể, đạo đức Bác thật sáng ngời, Bác là một lãnh tụ đặc biệt...

*

Quốc hội trong phiên họp sáng ngày 20 tháng 9 năm 1955, nhất trí thông qua đề nghị của Hồ Chủ tịch về việc mở rộng và bổ sung Chính phủ, trước nhu cầu công tác hiện tại. Cụ thể: "Đặt thêm Bộ Cứu tế do ông Nguyễn Xiển làm Bộ trưởng, chức Thứ trưởng dành cho một phụ nữ."

Người được lựa chọn sau đó là bà Lê Minh Hiền (1917 - 2006). Đây là người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ Thứ trưởng đồng thời là thành viên nữ đầu tiên trong Chính phủ.

Trước đó mười năm, theo Tuyên cáo ngày 28 tháng 8 năm 1945 của Chính phủ Cách

mạng lâm thời, Bộ Cứu tế xã hội được thành lập. Cụ Nguyễn Văn Tố, một trí thức uyên bác Tây học và Nho học, làm việc tại Viện Viễn đông Bác cổ, đồng thời là Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, được cử làm Bộ trưởng đầu tiên. Nhiệm vụ thời kì này của Bộ Cứu tế xã hội là phát động toàn dân tiết kiệm, nhường cơm sẻ áo cho đồng bào nghèo, thực hiện cứu trợ xã hội... Tổ chức bộ máy đơn giản, số lượng cán bộ tuy ít nhưng làm việc hiệu quả. Khi Chính phủ liên hiệp ra đời (ngày 2 tháng 3 năm 1946), trong tình hình mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ quyết định giải thể Bộ Cứu tế xã hội, nhập vào Bộ Lao động.

Mười năm sau đó, miền Bắc được giải phóng, công việc cứu trợ xã hội cho các đối tượng bị thiệt thòi do thiên tai, bão lụt, mất mùa, tàn tật do chiến tranh... đòi hỏi phải tái lập Bộ. Đến tháng 4 năm 1959, Chính phủ ra quyết định giải thể Bộ Cứu tế xã hội và giao cho Bộ Lao động phụ trách công tác bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội, công tác an dưỡng. Bộ trưởng Nguyễn Văn Tạo và

Thứ trưởng Lê Minh Hiền cùng điều hành công tác Bộ.

*

Trong ngôi biệt thự cũ ở Hà Nội, Thầy thuốc ưu tú Nguyễn Lê Thanh, con gái của bà Lê Minh Hiền, lần giở trong kí ức những kỉ niệm về mẹ...

Bà Lê Minh Hiền nghỉ hưu từ năm 1976 do điều kiện sức khỏe. Bà lại khiêm tốn, ít kể về mình, đôi khi con gái hỏi bà mới kể về quãng đời hoạt động cách mạng sôi nổi từ thuở đôi mươi. Bác sĩ Nguyễn Lê Thanh chia sẻ, khi Bộ Cứu tế xã hội được tái lập, Ban Tổ chức Trung ương và Chính phủ cân nhắc giữa hai thành viên. "Mẹ tôi kể, một người khác, thành tích hoạt động cách mạng và tên tuổi cũng nổi tiếng hơn mẹ, nhưng rồi, Chính phủ quyết định chọn mẹ tôi." Người nổi danh "nữ tướng" huyền thoại có tài cưỡi ngựa, bắn súng hai tay, được tổ chức phân công nhiệm vụ khác. Bà Lê Minh Hiền trở thành thành viên Chính phủ như một sự sắp đặt của lịch sử là như vậy.

Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ

(Theo lời kể của cụ Vũ An Biên⁽¹⁾ người sáng chế ra máy phát điện phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, tháng 2 năm 1951)

Sáu mươi năm đã trôi qua, từ Tết Tân Mão (1951) trên núi rừng Chiêm Hóa (Tuyên Quang) ngày ấy đến giáp Tết Tân Mão (2011)⁽²⁾, thời gian đã đưa chàng trai ở tuổi tam thập nhi lập trở thành cụ già chín mươi tuổi có dư. Gánh nặng của tuổi tác như đè trên vai nhưng kí ức của những năm tháng ấy cụ Vũ An Biên vẫn còn giữ vẹn nguyên như thuở nào. Trong năm trước đó, cụ luôn bận rộn. Bảo tàng Hồ Chí Minh cử cán bộ xuống

(1) Cụ Vũ An Biên (1921 - 2010), tên thật là Vũ Hán Thắng, nguyên chuyên viên Ủy ban Phát thanh Truyền hình Quốc gia (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

(2) Thời điểm tác giả viết bài này. (BT)

ghi chép tư liệu rồi mời cụ tham gia trong chương trình giao lưu “Tháng Năm nhớ Bác” tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2010; Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội mời cụ lên Chiêm Hóa rồi về Tân Trào (Tuyên Quang) để làm phim “Người suốt đời làm theo lời Bác”; Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện phóng sự phỏng vấn cụ trong chương trình “Gỗ cửa ngày mới”. Cụ cho tôi biết rằng, cụ không bao giờ nghĩ rằng những sáng chế đó của mình là quan trọng. Đó là nhiệm vụ mà người cán bộ kĩ thuật phải luôn sáng tạo để hoàn thành.

*

Đang công tác tại xưởng giấy Hồng Phong thuộc Ban Tài chính Trung ương Đảng do đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban, thì có lệnh của cấp trên triệu tập đồng chí Vũ An Biên về ngay lập tức. Nghe thế Vũ An Biên bỗng thấy... sợ. Vì nhiệm vụ cấp trên giao đến xưởng Hồng Phong là để làm giấy, mà lại đi làm một nhà máy thủy điện cỡ nhỏ để ngày thì có điện sấy giấy, đêm có

điện chiếu sáng cho anh em. Trong bụng Vũ An Biên thầm nghĩ, có khi lại bị kỉ luật gì đây. Anh Cả (Nguyễn Lương Bằng) vốn là người nghiêm khắc!

Cấp tốc đi ngày đi đêm, xuyên qua rừng từ Bắc Kạn về Tuyên Quang, quên cả nghỉ chân, mệt nằm một lát rồi lại đi. Vừa mới về đến Ban Tài chính Trung ương, chưa kịp nghỉ đã có ngay đồng chí liên lạc đưa đi tiếp. Đến đêm về tới nơi thì gặp đồng chí lãnh đạo cao cấp. Đồng chí ấy bảo:

- Thôi đồng chí hãy nghỉ đi, sáng mai thì ta sẽ bàn việc.

Sáng hôm sau Vũ An Biên mới được giới thiệu đó là đồng chí Trường Chinh. Thì ra, từ sáu tháng trước đồng chí Trường Chinh đã giao cho ông Giám - Giám đốc Trại thiết kế (đơn vị tiền thân của nhà máy Trần Hưng Đạo) nghiên cứu chạy máy phát điện. Nhưng nửa năm đã qua, mà vẫn không thể nào có được nguồn điện. Đồng chí Trường Chinh ôn tồn:

- Trong 15 ngày nữa thì Đại hội khai mạc, đồng chí phải làm mọi cách để có điện

phục vụ Đại hội. Cần những giấy tờ gì để lấy vật liệu gì, ở đâu thì đồng chí cứ bảo, tôi sẽ làm hết cho đồng chí.

Vũ An Biên suy nghĩ. Đã sáu tháng mà các đồng chí chưa tìm ra cách để chạy máy phát điện, bây giờ cho mình có 15 ngày thì gấp gáp quá. Vũ An Biên liền đề nghị với đồng chí Trường Chinh:

- Anh cho tôi xin 1 tháng. Tôi cũng không biết tình hình nó như thế nào nhưng mà cứ cho tôi xin 1 tháng, tôi sẽ làm được.

Thế là đồng chí Trường Chinh phải thông báo cho tất cả các đại biểu đến dự Đại hội chờ thêm 15 ngày nữa mới khai mạc.

Hằng ngày, có người gánh đủ thứ đồ đạc đến chỗ Vũ An Biên: một máy phát điện, một mô tơ và một máy Berna 12 mã lực chạy xăng... khi kiểm tra đều dùng được.

Với máy Berna 12 mã lực chạy xăng, Vũ An Biên nghiên cứu thấy cần phải chuyển đổi thành động cơ chạy Gazozen. Vũ An Biên đưa bộ Gicleur của máy Berna về cho khoan một cái lỗ để cho hơi Gazozen lên.

Khoan xong, lại lắp đầy đủ động cơ rồi cho chạy thử. Thêm vào đó là một đầu máy 250 Buzi, nếu cứ cho chạy hết tốc độ thì sợ cháy. Anh nghiên cứu làm bộ *Rheostat* (biến trở khởi động) khác. *Rheostat* không có, anh ra Trại thiết kế lấy một cuộn dây may so, cuộn dần, cuộn dần cho đến hết để làm biến trở khởi động. Rồi anh lấy đầu dây vào máy sau đó cứ từ từ đưa tốc độ quay vào. Khi đến số 0 (không có từ trường) máy chạy rất mạnh. Có đà rồi, điện cứ từ từ được cho vào.

Vậy là máy phát điện phục vụ Đại hội Đảng II - Đảng Cộng sản ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam tại núi rừng xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang đã được ra đời như thế. Suốt ba kì phục vụ Đại hội: Đại hội Đảng II (2-1951), Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt (3-3-1951), Đại hội Phụ nữ... chỉ hai lần người sáng chế phải dừng máy lại 5 phút để chỉnh dây cô roa, còn không có vấn đề gì hỏng hóc xảy ra.

*

Mới đây mà đã qua sáu mươi năm tròn, ngẫm ngời lại những ngày đã qua ấy, cụ Vũ An Biên cứ rủ rỉ kể trong mạch kí ức:

- Để bảo vệ các đại biểu, các đồng chí làm công tác bảo vệ đảm bảo an ninh chia Đại hội làm ba khu vực: Khu vực phục vụ, khu vực đại biểu ở và khu vực họp Đại hội. Tôi cũng lại chia điện thành ba khu vực như thế.

Thỉnh thoảng tôi phải đi kiểm tra điện các nơi, kể cả chỗ ở của các đồng chí lãnh đạo Trung ương. Đi từ khu vực nọ sang khu vực kia đều có bộ đội bảo vệ cả. Tôi sợ điện không đủ nên khi họp Đại hội tôi tắt hết điện các nơi, chỉ để lại một bóng đèn chỗ mấy ông phục vụ và ở chỗ tôi mà thôi.

Một lần, anh Lê Văn Lương đề nghị tôi làm bóng đèn điện sang giường Bác nằm. Tôi mới nhận thấy Bác đúng là con người cách mạng, bao giờ cũng cảnh giác, cảnh giác cao độ. Các đồng chí sắp xếp cho Bác nằm là giường đôi, rộng, chăn gối màn tử tế đầy đủ. Bác không nằm. Bác để buông màn xuống đấy thôi. Còn Bác nằm xuống giường của anh bảo vệ. Tôi đến làm thì thấy trên

bàn làm việc của Bác có một quyển sổ mở, một cái kính và một con dao nhỏ. Tôi cần con dao để làm dây điện. Khi tôi với tay sắp sửa lấy con dao thì anh bảo vệ ở bên ngoài vào ngăn lại. Anh cho tôi biết là không được dùng dao. Vì Bác để cái kính ở dòng nào và mũi con dao ở chữ nào rồi. Như thế nếu ai đụng vào thì Bác biết ngay. Cho nên không ai được đụng vào đây hết cả. Thế là tôi phải đi tìm con dao khác. Làm cho Bác cái đèn xong, khi trở về Bác nói với tôi:

- À, chú làm nhanh nhả, công nhân có khác, làm nhanh thật.

Có lần, một anh họa sĩ đang vẽ Bác. Đại hội buổi chiều tối, các đại biểu đã lên hội trường hết cả rồi. Đèn của Bác tôi không dám tắt. Không biết quy tắc đầu đuôi gì hết, tôi cứ thế đi thẳng vào:

- Thưa Bác, mời Bác lên dự Đại hội. Bây giờ hết giờ rồi để cháu tắt đèn dưới này, bật đèn phục vụ Đại hội.

Bác nhẹ bước ra nói với tôi:

- Bác xin lỗi chú nhé. Chú cho Bác xin thêm 10 phút để anh ấy vẽ xong thì Bác sẽ lên.

Tôi đứng đợi. Đúng 10 phút Bác ra:

- Bác xong rồi, Bác cảm ơn chú nhé.

Đây, có những mẫu chuyện nhỏ nghe rất bình thường thôi nhưng Bác rất nguyên tắc, rất kỉ luật và rất tôn trọng kỉ luật.

Một hôm khác, Bác Hồ cho tôi đi theo Bác xem triển lãm trong Đại hội II. Đầu tiên Bác chỉ bức tranh họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ bằng máu hình ảnh Bác với ba cháu nhỏ Bắc - Trung - Nam xung quanh. Nhìn sang bên cạnh, tôi lại thấy có một tranh nữa cũng bắt chước họa sĩ Diệp Minh Châu cầm tay lấy máu vẽ. Bác ngừng lại bảo:

- Chú thấy không, chú Diệp Minh Châu vẽ tranh này rồi nhưng bây giờ lại có thêm người nữa vẽ thì không phải chỉ có một Diệp Minh Châu mà sẽ có hàng nghìn Diệp Minh Châu. Vậy thì các bức tranh sau này có cầm tay lấy máu vẽ ra nữa cũng không có giá trị.

Ngừng một lát, Bác nói tiếp với tôi:

- Chú ạ, làm văn học, làm nghệ thuật, kể cả làm khoa học kĩ thuật và kinh tế cũng phải có sáng tạo. Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.

Người viết bài này nhìn lên tường, nơi khung ảnh treo trang trọng Huy hiệu sáu mươi năm tuổi Đảng của cụ Vũ An Biên. Hơn sáu mươi năm đứng trong hàng ngũ của Đảng, cụ luôn nhớ lời dạy của Bác Hồ: Làm gì cũng phải có sáng tạo. Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.

Khi biết được người sáng chế phát minh về máy phát điện ở Đại hội II như vậy, giữa lúc rất hiếm cán bộ kĩ thuật có khả năng, kĩ sư Lê Viết Hương đặt vấn đề với đồng chí Nguyễn Lương Bằng giao cụ Vũ An Biên về Trại kiến thiết. Chân ướt chân ráo vừa về nhận công tác, ông Giám đốc Lê Viết Hương đã thân mật trò chuyện:

- Tôi đã nói với anh em, anh Vũ An Biên được đồng chí Nguyễn Lương Bằng đánh giá cao về mặt kĩ thuật, cho nên anh phải làm cho bằng được các công việc ở đây, đừng để anh em cho là tôi giới thiệu sai.

Trại kiến thiết có mười tám đề án trong đó đề án khó nhất không ai làm là luyện chì từ galen ra. Kĩ sư Lê Viết Hương giao cho cụ

Vũ An Biên. Được lời động viên từ trước nên cụ không thể từ chối.

Cụ đã dành sáu tháng trời nghiên cứu đề tài. Cụ đã lên xí nghiệp Bắc Sơn là cơ sở đã luyện chì. Ở đây họ luyện chì theo lối cho chì từ trên xuống, nấu lên rồi lấy ra. Chì chảy ra chỉ được 30% - 40% thôi, còn lại là bã.

Giữa lúc đó, ở xí nghiệp Bắc Sơn lại báo về hai vấn đề: củi thì ít, phải tiết kiệm củi; thứ hai nữa là những sắt bù loong lấy ở trên đường ray để làm chất lỏng cho chì giờ cũng hết rồi, phải tìm chất thay thế.

Vấn đề cốt yếu là lò luyện. Cụ Vũ An Biên thiết kế lò "phản ứng". Cụ thay sắt bằng đá vôi. Vì đá vôi cũng có phản ứng làm chảy chì. Cụ để đá vôi trên lò nóng cho tới khi bị nhiệt độ tác động thành vôi thì gạt xuống lò. Thứ hai là cụ nghĩ rằng, nấu chì cũng như nấu cơm, lúc phải ghế, lúc phải đảo; nên cụ làm một cửa lò thứ hai ở trên ống dẫn lên ống khói để điều chỉnh ngọn lửa lên xuống được.

Kết quả là cụ Vũ An Biên đã thành công với đề án luyện chì này. Trở về, cụ báo cáo với ông Giám đốc Lê Viết Hương, hôm đó có cả

Cục trưởng Cục Quân giới, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa. Nghe báo cáo xong, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa liền reo lên bằng tiếng Pháp, đại ý là: "Thật là tuyệt, anh đã dùng hệ hai cửa lò!"

Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa đã đề nghị lên Hội đồng Chính phủ và cụ Vũ An Biên được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Điều thứ hai, cụ tâm sự với người viết bài này, cụ là một người cán bộ kĩ thuật, không có suy nghĩ gì phức tạp. Với bất cứ công việc gì, cụ cũng làm hết sức mình, không ngại gian khổ. Nếu cứ suy nghĩ, so đo, đặt vấn đề quyền lợi được mất lên trên, thì chẳng có thì giờ để làm khoa học.

Luôn luôn nhớ ơn Bác Hồ

*(Ghi theo lời kể của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
Nguyễn Thị Chiên⁽¹⁾)*

Hồ sơ lưu tại Viện Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam có viết: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Chiên, trong kháng chiến chống Pháp, từ năm 1946 đến năm 1952, tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến ở 5 thôn, xây dựng và chỉ huy đội du kích xã Tân Thuật (huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) đánh địch chống càn, phá giao thông đường 39, phá tề, diệt và bắt nhiều địch.

Bà đã diệt, làm bị thương và bắt 15 tên địch. Tháng 4 năm 1950, khi đưa cán bộ về

(1) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Chiên (1930 - 2016), cán bộ hưu trí Quân khu Thủ đô.

hoạt động tại xã, bà bị địch bắt, dụ dỗ, tra tấn suốt 3 tháng rưỡi vẫn kiên trung bất khuất. Tháng 10 năm 1951, trong trận phục kích đánh địch trên đường 39, bà bắn bị thương 1 tên địch, bắt sống 6 tên, thu 4 súng. Tháng 12 năm 1951, khi địch lùng sục vào làng, bà chỉ huy du kích bất ngờ xông ra bắt sống 4 tên địch.

Bà được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, 2 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Năm 1952, bà được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng khẩu súng ngắn của Người.

Vượt cây cầu Long Biên đã quá tuổi trăm, người viết bài sang phường Ngọc Thụy, quận Long Biên (Hà Nội). Đúng giờ hẹn, người nữ Anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam - bà Nguyễn Thị Chiên - đón khách vào nhà.

Theo hồ sơ thì bà sinh năm 1930, tại xóm Trại Đồng, xã Tân Tiến (nay là thị trấn Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình), nhưng bà cho biết, năm sinh này không rõ đúng hay sai vì lí lịch của bà do anh em công tác

khai hộ. Ngay cả cái tên Nguyễn Thị Chiên cũng là do anh em du kích đặt cho bà sau này, chứ cha mẹ bà chỉ gọi là Tý con. Nhà bà có năm anh chị em, bà là út. Gia cảnh khốn khó, sinh bà hôm trước, hôm sau người mẹ đã phải ủ con trong gio cho nóng để đi làm thuê, làm mướn lần hồi kiếm miếng ăn. Mới lớn, Nguyễn Thị Chiên đã phải đi ở đợ, bế con cho nhà người khác.

Sinh ra và lớn lên trên quê hương cách mạng, từ năm mười sáu tuổi, Nguyễn Thị Chiên tự nguyện đến với cách mạng, bà được các anh chị du kích giao nhiệm vụ rải truyền đơn, kết hợp với bảo vệ vòng ngoài cho các cơ sở bí mật của cách mạng, đồng thời phát hiện nơi ém quân của địch.

Bà không thể quên được những lần chặt chuối làm phao kẹp vào vách bờ vượt sông Thái Bình đi quấy nhiễu đồn bốt của thực dân Pháp. Lúc đi đạn bắn dữ dội, lúc về xe lội nước địch ào ào đuổi đằng sau. Nhưng những chuyến đi, về đều an toàn và những đợt tập kích địch đã làm vững vàng thêm bản lĩnh và nối dài công trạng của nữ du kích Nguyễn Thị Chiên.

Đặc biệt nhất là lần phối hợp với Đại đội 44 Tiểu đoàn 680, Đại đoàn 320 tiêu diệt lính Âu Phi trên đường 39. Chính ở trận này, tay không mà bà đã bắt được tên quan hai Pháp. Danh hiệu "tay không bắt giặc" cũng theo bà Nguyễn Thị Chiên từ đó.

Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Việt Bắc (ngày 1 tháng 5 năm 1952), bà Nguyễn Thị Chiên là nữ du kích duy nhất được chọn đi báo cáo điển hình. Với những đóng góp của mình, Nguyễn Thị Chiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng ở tuổi hai mươi hai.

Sau Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được cử tham gia đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hòa bình châu Á - Thái Bình Dương tại Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại hội Hòa bình Thế giới tại Viên (Áo) cùng với các nhà trí thức Việt Nam như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, cư sĩ Lê Đình Thám, nhà giáo Đặng Chấn Liêu, nhạc sĩ Đỗ Xuân Oanh, Nguyễn Xuân Trâm, anh hùng Ngô Gia Khảm... do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng đoàn.

Về nước sau ngày giải phóng Thủ đô, với kinh nghiệm tổ chức và triển khai lực lượng du kích địa phương, bà đã được giao nhiệm vụ phụ trách và quản lý dân quân 4 huyện ngoại thành Hà Nội. Trong công tác mới, bà đã gặp ông Vũ Anh Tài, cán bộ Sư đoàn 320. Bà và ông đã nên duyên, rồi sinh được một người con gái và đây cũng là người con duy nhất của họ. Đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông đi biên biệt, bà ở lại vừa công tác vừa nuôi con. Sau nhiều năm công tác tại Tổng cục Chính trị, Quân khu Thủ đô, bà Nguyễn Thị Chiên về hưu với quân hàm Trung tá (1984) và thương tật hạng 4/4!

Có lẽ người nữ Anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam Nguyễn Thị Chiên là người dành được khá nhiều tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với bút danh C.B trên Báo *Nhân dân*, Người đã viết một bài riêng với nhan đề:
NGUYỄN THỊ CHIÊN

"Nữ trung đội trưởng du kích Nguyễn Thị Chiên là một cô nông, 22 tuổi, vào đội du kích từ 1946.

Vùng chị Chiên thường bị giặc càn quét. Cơ sở tan rã. Nhân dân hoang mang. Chị cứ bám sát lấy dân, lập lại cơ sở chính quyền và đoàn thể, tổ chức một trung đội nữ du kích chống càn quét, bảo vệ làng.

Bị bắt, bị tra tấn suốt 3 tháng, bị đưa ra bắn dọa 3 lần, chị vẫn bình tĩnh, không khai nửa lời. Vừa thoát được về, tuy mình đầy vết thương, chân đau không đi được, chị cũng hoạt động lại ngay. Trong đợt thi đua từ 19/5 đến 19/12/1951, chị đã thắng 10 trận, tự tay tước được 15 súng và bắt sống 20 tên giặc (trong đó có 1 tên quan hai Pháp). Trong các trận, chị không hề bỏ sót một người thương binh nào. Trong vụ thuế nông nghiệp, chị đã thức 30 đêm liền, tuyên truyền giải thích từng nhà, từng người. Nhiều người lạc hậu, thấy chị thành khẩn, đều cảm động và trở nên hăng hái. Khi bắt được tên đồn trưởng (nó đã giết người anh của chị), chị giải thích chính sách khoan hồng của Chính phủ, rồi thả nó. Vì vậy, nó đã gọi nhiều ngụy binh khác ra hàng.

Chị Chiên, vì yêu nước, căm giặc, trung thành với đoàn thể, kiên quyết bám sát dân,

luôn luôn thương yêu đồng đội, nắm vững và ra sức thi hành chính sách nên đã lập được công to, rất xứng đáng là Anh hùng Quân đội.”⁽¹⁾

Trong **Bài nói tại buổi lễ bế mạc lớp chính huấn cán bộ trí thức**, Hồ Chủ tịch nhắc nhở:

“Chín năm trước đây, nhân dân ta gồm cả trí thức ta, bị Tây khinh rẻ và gọi là “giống bản thủ”. Ngày nay, ta có những anh hùng như Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị và đang nảy nở hàng trăm chiến sĩ và anh hùng trong phong trào thi đua yêu nước.”⁽²⁾

Khi viết bài **Người cán bộ cách mạng** vẫn với bút danh C.B, Hồ Chủ tịch lại nhắc đến: “Nữ anh hùng du kích Nguyễn Thị Chiên, mấy lần bị giặc bắt và tra tấn sống đi chết lại, nhưng không hề lộ bí mật; mỗi lần thoát khỏi tay địch, hoạt động càng thêm hăng.”⁽³⁾

Với lòng quả cảm, gan dạ và có những phương pháp đánh địch đầy sáng tạo,

(1) Trích *Hồ Chí Minh toàn tập*, t6, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 505.

(2) Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, t7, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 145-149.

(3) Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, t7, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 480-482.

Nguyễn Thị Chiên trở thành một du kích cừ khôi, tiếng tăm vang dội khắp vùng. Sau một thời gian điên cuồng lùng sục, địch bắt được bà tại làng Rặng Thông (xã Cầu Trục, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Suốt ba tháng rưỡi bị giam cầm trong lao tù, bị đánh đập, tra tấn bằng đủ mọi cách, địch không moi được gì ở bà. Chúng buộc tay chân bà vào một cây tre rồi đem vứt xuống sông. Chờ bà sắp chết, chúng lại vớt lên nhưng vẫn không moi được thông tin gì. Địch lại giả vờ đem bà đi bán. Băng đen bịt mắt, tay chân buộc như tử tù, giặc nổ súng. Bà vẫn giữ vững tinh thần cách mạng. Cuối cùng, không có chứng cứ, chúng đành phải thả bà.

Bà tâm sự với người viết bài này rằng, vượt qua tất cả những thủ đoạn tra tấn tàn ác của giặc là nhờ trong tim bà luôn có Bác Hồ.

- Từ trong hậu địch tôi đã tâm niệm Bác Hồ là Thánh sống trên đầu tôi. Chính vì vậy, khi bị địch bắt tù đầy, nghĩ đến Bác Hồ, tôi một lòng một dạ không khai. Tôi đã tự đề ra câu hỏi trong đầu như thế này: Nếu như địch bắn vào chỗ nguy hiểm và nhất định mình

nắm chắc trong tay cái chết, thì lúc bấy giờ tôi hô: Hồ Chủ tịch muôn năm! Đảng Cộng sản muôn năm!

Nhưng chúng bắn chỉ thiên sau khi hát tôi xuống sông. Chúng làm vậy là để nhiều lần khai thác. Mưu mô của giặc thất bại chính vì nhờ trong tim tôi vẫn luôn có Bác. Tôi cương quyết không khai và hi vọng sau này nếu kháng chiến thành công, nhất định tôi sẽ được gặp Bác Hồ. Cuối cùng tôi đã chiến thắng.

Được gặp Bác Hồ tại Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần đầu tiên là thỏa lòng mơ ước của người nữ du kích ở quê hương “Tiếng trống Tiền Hải”.

- Anh bảo tôi ngốc quá không cơ. - Bà Chiên bồi hồi tâm sự với khách. - Đi thì định ninh mong mỗi làm sao được gặp Bác Hồ. Tôi để bụng phải nhớ hết tất cả những lời Bác căn dặn để khi trở về sẽ báo cáo với anh em trong đơn vị. Những lời căn dặn của Bác sẽ làm động lực lớn để khích lệ các đồng chí quyết tâm vượt qua khó khăn gian khổ chiến đấu giành thắng lợi.

Nhưng đến khi gặp Bác Hồ, chỉ kịp thốt lên: “Bác! Bác!”... thế rồi tôi khóc. Không hiểu giặc tra tấn dã man như thế tôi không khóc, vậy mà đặc biệt sao khi thấy Bác thì tôi lại khóc. Khóc nhòe hết cả hai mắt. Mà đã khóc là trôi hết mọi suy nghĩ. Sau tôi trấn tĩnh lại, không khóc. Từ đó bắt đầu những lời Bác dặn tôi mới nhớ kĩ được...

Trong gian phòng khách nhỏ, ông bà treo ảnh Bác Hồ, ảnh Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở những vị trí trang trọng nhất. Hai ông bà cũng thường xuyên đến thăm gia đình Đại tướng, với hai ông bà, Đại tướng là một người đồng chí, người Anh Cả.

Bà vui vẻ kể lại buổi Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng đón tiếp những Anh hùng được gặp Bác Hồ (tháng 1 năm 2009), bà lại đeo Huy hiệu Bác Hồ và nói:

- Suốt đời tôi luôn nhớ ơn Bác!

Bác Hồ với ngư dân Sầm Sơn

*(Theo lời kể của nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn⁽¹⁾, người nhiều năm
được giao chụp ảnh những hoạt động của Bác Hồ)*

*

Tháng 7 năm 1960, khi Trung ương Đảng đang họp trù bị cho Đại hội III của Đảng Lao động Việt Nam (khai mạc vào tháng 9 tháng 1960), thì Chủ tịch Hồ Chí Minh ra thăm ngư dân trên bãi biển Sầm Sơn. Trước khi đi Bác dặn không được báo cho Tỉnh ủy Thanh Hóa biết. Vì nếu biết Bác vào thăm, Tỉnh ủy sẽ làm cơm tiếp đón, như thế rất tốn tiền của đóng góp của nhân dân.

Nắng không gợn một chút mây. Chiếc Pô-bê-đa màu sữa chở Bác đến Sầm Sơn.

(1) Nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn (1931 - 2010), nguyên giảng viên nhiếp ảnh Trường Điện ảnh và Kịch nói Việt Nam.

Chỉ hòn Trống Mái, Bác nói: "Kia có bóng mát". Hiểu ý Bác, đồng chí bảo vệ đến trái tầm bạt dưới bóng hòn Trống Mái. Bác cười, chỉ tầm bạt: "Chú nào có gì ăn bỏ cả ra đây!" Anh Vũ Kỳ bỏ ra hai nắm cơm cùng mấy con tôm rang với thịt ba chỉ, còn chúng tôi có "tiết mục" cơm nếp lạc chấm muối vùng.

Cuối giờ chiều, Bác yêu cầu bảo vệ sắp xếp không nghỉ ở nhà khách cho đỡ tốn kém mà ở lại ngôi đền thờ thần Độc Cước ở trên lưng chừng núi bên cạnh Sầm Sơn. Chiều tối hôm ấy Bác Hồ cùng chúng tôi lên thẳng ngôi đền. Người thủ từ trông coi đền đã nhường tiền sảnh ngôi đền cho đoàn khách đặc biệt. Thế là, tự tay Bác cầm chổi quét một gian rồi trái chiếu mắc màn. Tất cả rằm rắp làm theo Người, chỗ của ai người đó tự lo. Xong xuôi, mọi người nằm quây quần quanh Bác...

Sớm hôm sau, dậy tập thể dục và ăn sáng xong, Bác cải trang như một lão ngư, quần cộc, áo cộc, đi dép cao su, đội mũ cát sờn mắt chòm, quần cổ bằng chiếc khăn mặt bông để giấu bớt bộ râu. Bác dẫn chúng tôi vào thăm một xóm ngư dân. Lúc bấy giờ, nông dân và

ngư dân đều vào hợp tác xã, nên giờ này người lớn đã ra bãi cá đón thuyền đi đánh cá về, còn trẻ em đã tới trường. Xóm chài vắng vẻ. Đến hai nhà đầu đều thấy không có người. Ở biển, bà con đi làm rất sớm. Đến nhà thứ ba thấy một ông cụ già đang khề khà ngồi trên chõng bên be rượu với đĩa chân giò luộc, trên chõng tre có một cháu nhỏ đang ngủ.

- Chào cụ ạ! - Bác Hồ chào.

- Không dám! Chào cụ ạ! - Cụ già chào lại Bác Hồ. - Mời cụ nhấp với tôi một nhấp.

- Cảm ơn cụ! - Bác cảm ơn rồi lịch sự từ chối. - Chúng tôi đã ăn sáng rồi. Đoạn Bác hỏi ông cụ về đời sống của ngư dân: - Thưa cụ, đời sống xã viên ở đây ra sao ạ?

Ông cụ không cần đắn đo suy nghĩ, trả lời ngay:

- Cảm ơn cụ. Nhờ ơn Đảng, ơn Bác Hồ, đời sống xã viên chúng tôi sung sướng lắm ạ!

- Chào cụ, chúng tôi xuống bãi.

Khi đã đi khuất hàng rào râm bụt nhà ông cụ, Bác dừng lại bảo với chúng tôi: "Các chú đã thấy chưa? Khi dân chưa hiểu chúng ta thì không bao giờ người ta nói sự thật đâu."

Rời xóm chài, Bác dẫn chúng tôi xuống bãi biển. Một không khí lao động tấp nập diễn ra. Bác bước nhanh tới.

Thấy mấy cụ già đang xoắn chân thang kéo rùng (kéo lưới) vất vả, Bác vào cùng, đứng trước một cụ già cũng xoắn chân thang cật lực dang tay kéo sợi dây, Bác cùng kéo luôn. Một đồng chí bảo vệ đứng sát trước mặt Bác cũng sai tay kéo. Chúng tôi cũng vào kéo theo Bác. Cụ già thấy một ông cụ lạ và mấy người cùng kéo lưới giúp thì mừng vui, vừa làm vừa trò chuyện nở như ngô rang. Lao động thực sự, cật sức, mồ hôi nhễ nhại, Bác bỏ mũ, cởi cả áo cộc, cả khăn bông quấn cổ lộ hết bộ râu, lúc ấy cũng chẳng ai để ý, không ai nhận ra người cùng kéo dò áng (kéo dây lưới vây) là Bác Hồ, có lẽ họ nghĩ đây là một ông cụ già tốt bụng cùng một số cán bộ về nghỉ mát.

Mặt trời ra khỏi mây, cảnh vật rực rỡ, tôi phát hiện cảnh lao động giữa Bác với lão ngư say mê vui vẻ, tôi muốn chớp khoảnh khắc có một không hai này nhưng vương đồng chí bảo vệ đứng sát, tôi vờ quay lại huých cánh tay đẩy đồng chí bảo vệ đứng ra xa hai ông cụ kéo lưới nhưng đồng chí bảo vệ không

hiếu ý. Biết ý định của tôi, Bác đưa mắt cho đồng chí bảo vệ. Chỉ một thoáng ống kính của tôi đã thu được khung cảnh lao động rất chân thực và xúc động giữa Bác và lão ngư.

Nhấp một chút rượu rồi nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn kể tiếp:

- Sau khi hoàn tất việc kéo lưới, Bác dẫn chúng tôi đi thăm không khí lao động nhộn nhịp của ngư dân trên bãi cá. Nơi này chuyển cá dưới thuyền lên bãi cát mịn. Nơi kia từng đoàn gánh cá đi, chỗ khác, mấy bà đang vun cá lên như đồng lúa... Gặp chỗ nào đang khẩn trương công việc là Bác xắn tay vào. Bác nhập cuộc rất nhanh và thuần thục. Thấy mấy bà đang bốc cá vào thúng như chia cá, Bác ngồi xuống trò chuyện, Bác hỏi một ngư dân:

- Mùa này đánh bắt được nhiều cá, bà con tha hồ phần khởi, tha hồ ăn cá, phải không các bà?

- Phần khởi gì mà phần khởi hở cụ.

- Sao lại không phần khởi?

Một bà nhanh nhẩu trả lời:

- Cụ bảo chúng tôi tha hồ ăn cá ư? Có mà ban quản trị nó móc họng ra. Đây là cá của các ông ban quản trị, chứ có phải cá của xã viên đâu. Chúng tôi gánh cá là gánh cá về cho chủ nhiệm đẩy cụ ơ. Còn chúng tôi chỉ ăn những con tép vụn vặt mà thôi.

Bà con trả lời thật thà mà ngay thẳng. Bác đứng lên tiếp tục đi quanh bãi cá. Thời gian ấy Người đang viết dự thảo Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp. Bác bảo:

- Phải khoán cho người lao động, có khoán người ta mới có ăn, có ăn mới lao động tốt.

Với một phóng sự năm bức ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngư dân Sầm Sơn, thành công của nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn là làm cho người xem không ai phân biệt trong hai ông lão cật lực lao động ấy ai là lãnh tụ, là danh nhân văn hóa của nhân loại và ai là lão ngư dân! Bác Hồ hòa mình với những người kéo lưới mà vẫn hiện lên tầm cao của lãnh tụ.

Đó là một trong số những kỉ niệm sáng mãi về những tháng ngày được ở bên Bác Hồ kính yêu mà suốt đời nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn không thể nào quên.

Bác Hồ về thăm lại Pác Bó

*(Dựa theo lời kể của Thiếu tướng Lê Quảng Ba,
nhà báo Âu Thủy ghi)*

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông Lê Quảng Ba được tin nhiệm cử giữ nhiều nhiệm vụ trọng yếu: Khu trưởng Khu Hà Nội (nay là Tư lệnh Quân khu Thủ đô), Chỉ huy trưởng Mặt trận Duyên hải Đông Bắc và vượt Thập Vạn Đại Sơn giúp Hồng quân Trung Quốc tiêu diệt quân Quốc Dân đảng giải phóng đất nước và thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tư lệnh Liên khu Việt Bắc, Đại đoàn trưởng đầu tiên Đại đoàn 316, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc... Năm 1960, ông chuyển ngành, làm Trưởng ban Dân tộc Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ, rồi Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương.

Tháng 2 năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thăm Cao Bằng, Bác về lại Pác Bó. Nói chuyện với nhân dân Cao Bằng, Người mong muốn:

“Bác mong tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng như trước đây Cao Bằng đã là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc...”

Ít nhất Cao Bằng phải cao bằng nơi cao nhất hay nhất, Cao Bằng phải cao không nơi nào bằng.”

Thiếu tướng Lê Quảng Ba đã tháp tùng Bác trong chuyến “về nguồn” đầy ý nghĩa lịch sử này. Sau này, trong sách *Uống nước nhớ nguồn* - tập kí - Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân in năm 1978, ông đã kể lại cho nhà báo Âu Thủy ghi như sau:

... Chiều ngày 19 tháng 2 năm 1961, các đồng chí Tố Hữu, Nguyễn Khai và tôi theo Bác đến thị xã Cao Bằng bằng máy bay lên thẳng. Sáng ngày 20, chúng tôi đưa Bác về thăm Pác Bó. Nhưng sáng hôm đó trời nhiều

sương mù, máy bay không cất cánh được, Bác quyết định đi xe đến Đô Chương rồi đi bộ vào Pác Bó (Lúc đó chưa làm đường xe ô tô vào Pác Bó).

...

Trở lại thăm Pác Bó, thăm những người thân thuộc, gắn bó với cách mạng cách đây đã hai mươi năm, Bác không khỏi nhớ tới bao nhiêu sự việc đã xảy ra ở khu vực này.

...

Hôm nay cả làng Pác Bó, già, trẻ, gái, trai đều ra đón Bác. Đồng bào ở Sóc Giang, Đôn Chương cũng đến đây cùng đồng bào Pác Bó. Những cụ già mặc áo bông xanh, đầu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, nét mặt tươi vui, dắt các cháu nhỏ mặc quần áo hoa đủ màu sắc...

Chúng tôi đưa Bác xuống làng Pác Bó. Trông thấy Bác, đồng bào reo hò hoan hỉ. Các cụ vây quanh Bác; có cụ nắm tay Bác lắc lắc... Bác và các cụ nhìn nhau nói không nên lời... Các bà, các chị ai cũng rơm rớm nước mắt, mừng mừng, tủi tủi, nhớ lại những ngày khổ nhục trước kia và cảnh no ấm đoàn tụ ngày nay. Thấy Bác đi bộ, bà con nói: "Bác vất vả quá."

...

Cả làng Pác Bó, già, trẻ, gái, trai vây quanh Bác hân hoan, như đón người bác, người ông đi xa về...

Sau một lúc lâu, Bác mới nói được với đồng bào:

- Bà con làm gì mà đông thế này?

Đồng bào reo lên:

- Đón Bác, đón Bác. Năm mới chúc Bác sống lâu, mạnh khỏe!

Sau khi chúc lại đồng bào, Bác nói vui với đồng bào:

- Tôi về thăm nhà mà, sao lại đón tôi.

Nghe Bác nói, đồng bào cảm động, rơm rớm nước mắt. Thực vậy, Bác về thăm Pác Bó, thăm Cao Bằng là Bác về thăm nhà. Nhà Bác, quê hương của Bác, không chỉ là nơi chôn nhau cắt rốn, mà nhà Bác, quê hương Bác, là căn cứ cách mạng, là mọi nơi trên mảnh đất Việt Nam thân yêu.

...

Trong buổi đón Bác hôm ấy (...) tôi như bị thôi thúc, vội làm mấy câu thơ bằng tiếng địa phương, nói lên một phần cảm xúc của

đồng bào đối với Bác. Xin tạm dịch ra tiếng phổ thông:

Xuân hai mươi năm trước cũng ngày này
Theo đường Pò Văn Bác tới đây
Hôm nay xuân, tháng Giêng mồng sáu
Pác Bó vui tươi lại đón Người.

Ngày trước khi về râu Bác đen
Vì dân, thân gầy mặt cũng đen
Nay tuy tóc bạc, mà lại khỏe
Hong hào gương mặt, khác gì tiên.

Ngày trước như bìm bịp ven đường
Nay như phượng hoàng trên cao lượn
Ngày trước rón rén, dò từng bước
Hôm nay chim sắt cưỡi âm vang.

Ngày trước có nhiều giặc, nhiều beo
Nhân dân ta sống cảnh đói nghèo
Ngày nay trai gái đều biết chữ
Ấm no đời sống hơn trước nhiều.

Ngày trước Bác dạy đánh Nhật, Tây
Theo Bác, ta đánh thắng Nhật, Tây
Nay tiến lên chủ nghĩa xã hội
Theo Bác, hợp tác xã ta xây.

Ngày trước như trời u ám mây
Nay như mặt trời rạng rỡ soi
Nhân dân ta ngày càng no ấm
Bác càng vui, khỏe, sống càng lâu.

...

Hôm nay trở lại thăm cảnh cũ, những sự kiện đã cách đây hai mươi năm lần lượt hiện ra trong óc chúng tôi. Từng gốc cây, mỏm đá ở vùng này đều rất gần gũi, thân thiết...

Bác và chúng tôi im lặng hồi lâu, ngược nhìn về phía cột mốc biên giới số 108 và phía lán Khuổi Nặm, ngắm nhìn dòng suối Lê-nin nước trong như lọc, nhìn bàn đá, nhìn hang ở... Bác bỗng cất tiếng vui vẻ nói với đồng chí Tố Hữu:

- Nào nhà thơ, làm thơ đi chứ.

- Mời Bác làm trước! - Đồng chí Tố Hữu mỉm cười trả lời.

Bác nói:

- Vậy thì tôi làm trước! - Trầm ngâm một lát, Bác cất giọng ấm áp:

Hai mươi năm trước, ở hang này
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu
Non sông gấm vóc có ngày nay.

Bác giáo dục chuyện sinh hoạt hằng ngày

(Theo lời kể của bà Hà Giang⁽¹⁾, nguyên Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, người phụ nữ đầu tiên ra nước ngoài làm công tác ngoại giao với vai trò Bí thư Đại sứ quán Việt Nam tại CHDCND Triều Tiên)

*

Bà Giang bồi hồi nhớ lại, hơn bảy mươi năm trước, đầu năm 1944, bà tham gia hoạt động trong nội thành Hà Nội, là thành viên trong một tổ Việt Minh gồm có bà Nguyễn Thị Bích Thuận (Đại tá, nguyên Cục phó Cục Cảnh vệ - Bộ Công an) và bà Bùi Thị Tình (sau này là vợ ông Trần Quang Bình - nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện).

(1) Bà Hà Giang tên thật là Đặng Thị Thiềm, sinh năm 1921 tại làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, nguyên Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Ông Trần Xuân Độ (1894 - 1997), chồng bà, quê xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, là Chính ủy đầu tiên của Quân khu 7.

Ba người đã được ông Hoàng Tùng (sau này là Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương), phụ trách Việt Minh ở Hà Nội, phân công công tác. Riêng bà nhận nhiệm vụ rải truyền đơn trên các đường phố, chuyên chở sách báo, vũ khí của Việt Minh từ Hà Nội về thành phố Nam Định, tham gia cơ sở cách mạng trong công nhân nhà máy ô tô, trong giới học sinh, giới tiểu thương.

Tháng 8 năm 1945, bà Hà Giang được cử làm người đại diện phụ nữ Hà Nội đi dự Quốc dân Đại hội Tân Trào. Tại Quốc dân Đại hội Tân Trào bà được gặp Bác lần đầu tiên. Sau này, làm công tác tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nên bà còn được gặp Bác nhiều lần. Bác giáo dục cả những chuyện sinh hoạt hằng ngày, từ việc lớn cho đến việc nhỏ, chứ không phải chỉ nói nhiều về chủ trương. Chính vì thế nên rất nhiều năm trôi qua nhưng bà và các chị em đã từng gặp Bác hôm ấy vẫn nhớ mãi những chi tiết cụ thể.

Khi bà về cơ quan Hội Phụ nữ Cứu quốc, lâu lâu Bác đến cơ quan. Bác họp chị em lại

rồi giáo dục: Phải sâu sát quần chúng như thế nào, sống giản dị như thế nào? Có một chi tiết bà Giang vẫn nhớ, nhìn ra sọt rác trong văn phòng, thấy có giấy trắng, Bác liền nhắc nhở: "Các cô phải tiết kiệm chứ, sao giấy trắng thế này mà đã bỏ?" Những chi tiết rất nhỏ nhưng Bác vẫn nhắc, nên bà Giang cứ nhớ mãi.

Khi về nhận công tác Ủy viên Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bà Hà Giang còn được gặp Bác nhiều lần. Bởi vì cứ mỗi một lần đoàn phụ nữ quốc tế đến thăm, họ xin gặp Bác Hồ thì các chị lại phân công bà đưa các đoàn đến. Bác vẫn mặc bộ quần áo ka ki giản dị đi ra tiếp đoàn nên ban đầu họ không biết. Khi nghe giới thiệu: "Hồ Chủ tịch của chúng tôi đây!", đoàn khách đều hết sức ngạc nhiên vì sự giản dị của Bác. Gặp đoàn nào cũng vậy, Bác trò chuyện rất vui vẻ.

Giữa năm 1950, bà lập gia đình cùng ông Trần Xuân Độ tại Việt Bắc. Cưới xong các đồng chí lãnh đạo đề nghị: "Nếu Hà Giang không vào Nam thì cả hai vợ chồng công tác ngoài Bắc, tùy hai người quyết định."

Bà quyết định cùng ông vượt núi trèo non vào Nam nhận nhiệm vụ. Miền Bắc giải phóng, ông bà lại cùng tập kết ra Bắc.

Năm 1956, Tổng Bí thư Trường Chinh đề nghị ông Trần Xuân Độ sang Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên làm Đại sứ. Lúc đầu ông không nhận vì nghĩ không có chuyên môn, ngoại ngữ lại không biết. Nghe ông Trường Chinh báo cáo, Hồ Chủ tịch cho mời ông Trần Xuân Độ đến Phủ Chủ tịch. Sau khi trò chuyện, Bác nói: "Từ trước đến giờ tôi có học làm Chủ tịch nước đâu. Nhưng Đảng và Nhà nước phân công thì phải làm. Tôi và chú Trường Chinh thay mặt Đảng và Nhà nước phân công chú Độ làm Đại sứ." Nghe Bác nói xong, ông Độ nhận lời...

Hồi đó chưa có chế độ cho vợ cùng chồng ra nước ngoài công tác. Biết bà Hà Giang là một trí thức theo kháng chiến, có trình độ văn hóa, nên Hồ Chủ tịch cho mời bà sang. Bác nói:

- Trung ương định đưa đồng chí Trần Xuân Độ làm Đại sứ ở Triều Tiên, cô có thể đi cùng với đồng chí Độ được không?

Nhớ lại kỉ niệm với Bác, bà Hà Giang lại bồi hồi:

- Tôi cũng có suy nghĩ: Mình không biết làm công tác ngoại giao như thế nào. Lúc bấy giờ các đồng chí đại sứ khác ít đưa vợ đi, hoặc nếu có đi thì cũng chỉ đi làm phu nhân thôi, chứ không có công tác gì ở sứ quán. Suy nghĩ, xong tôi trả lời: "Thưa Bác, nếu Bác và Đảng quyết định thì cháu cũng sẵn sàng đi. Tuy không quen công tác ngoại giao, nhưng sang đó cháu học dần."

Bác cười:

- Cô biết ngoại ngữ không?

- Thưa Bác, cháu bập bẹ biết tiếng Pháp thôi! (Sự thực thì bà đã tốt nghiệp bậc tú tài Trường Bưởi - một thành tích hiếm thấy ở phụ nữ thời đó).

Bác bảo:

- Thế thì cũng tốt. Thế này nhé, chú Độ làm Đại sứ, cô làm phu nhân là một chuyện thôi, nhưng mà cái chính là công tác sứ quán giúp cho chú Độ. Cô đã có ngoại ngữ như thế là tốt lắm. Thôi thì đi nhé.

Bà Hà Giang đáp:

- Vâng, Bác phân công thì cháu xin nhận.

Và nhờ đó, bà Hà Giang ngẫu nhiên trở thành Đại sứ phu nhân đầu tiên của Việt Nam được phép ra nước ngoài cùng chồng.

Trước khi đi, Bác mời ông bà Đại sứ đến ăn một bữa cơm giản dị, ấm cúng và thân mật tình cảm gia đình. Trong bữa ăn, Bác nói chuyện tình hình quốc tế, rồi dặn dò nhiệm vụ công tác. Đại sứ quán lúc đó độ chừng chục người. Bà làm Bí thư thứ hai kiêm thư kí riêng của Đại sứ; đồng thời anh em còn bầu bà phụ trách công tác nghiên cứu của sứ quán kiêm phụ trách Văn phòng sứ quán và làm Bí thư Chi bộ cơ quan. Ông bà đã công tác ở Triều Tiên 6 năm (từ năm 1956 đến năm 1962) thì kết thúc nhiệm vụ.

Về nước, ông Trần Xuân Độ được cử làm Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Bộ Ngoại giao. Còn bà Hà Giang làm Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu...

Bác Hồ góp ý sửa thơ

(Theo lời kể của nhà thơ Việt Phương⁽¹⁾)

Trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam ở tuổi ngoài tám mươi, nhà thơ Việt Phương đã hoàn thành tâm nguyện của mình là muốn kế thừa người anh ruột - nhà văn Từ Bích Hoàng, người đã góp phần hoạt động văn nghệ từ trước Cách mạng Tháng Tám, một trong những hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Khi mới mười chín tuổi, Việt Phương đã được đồng chí Phạm Văn Đồng - bấy giờ là Đặc phái viên của Chính phủ tại miền Nam

(1) Nhà thơ Việt Phương (1928 - 2017) nguyên Trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1906 - 2000), hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Trung Bộ - chọn về làm thư kí riêng. Từ đó, ông đã giúp việc cho đồng chí Phạm Văn Đồng suốt năm mươi ba năm trên các cương vị Phó Thủ tướng, Thủ tướng Chính phủ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng... cho đến khi đồng chí mất (năm 2000).

Nhà thơ Việt Phương cho biết, là thư kí riêng giúp việc vị Thủ tướng lâu năm nhất của nước Việt Nam, ông phải "tự kiểm chế" và mất đi rất nhiều điều. Ông vốn lắm cá tính, có kiểu riêng, điệu riêng, cách riêng, thích thú riêng, và thậm chí cả ngang tàng riêng. Vì vậy, nếu ngay đến trong thơ cũng lại đưa cho thủ trưởng duyệt nữa, thì ông không còn gì, ông không còn là mình nữa. Nàng thơ là lĩnh vực của riêng Việt Phương.

Máu văn nghệ sĩ có sẵn trong căn cốt của mình, từ năm 1964, ông đã tham gia một nhóm thơ. Các thành viên trong nhóm đều làm thơ chuyên nghiệp, riêng có mình Việt Phương làm thơ nghiệp dư. Họ là Vũ Quần Phương - nguyên Trưởng ban Thơ của Hội Nhà văn, Bằng Việt - đã có thời gian đương nhiệm vị trí Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học

Nghệ thuật Hà Nội, về sau thêm Phạm Tiến Duật ở miền Nam ra. Phái nữ có Xuân Quỳnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Ý Nhi, sau đó thêm Nguyễn Thị Hồng Ngát.

Năm 1970, tập thơ *Cửa mở* của Việt Phương ra đời thu hút ngay được sự chú ý của dư luận, không phải chỉ riêng văn đàn mà cả chính giới.

Sau những đích dắc liên quan tới tập thơ *Cửa mở*, Việt Phương vẫn là cán bộ giúp việc Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng thời tham gia nhóm cán bộ giúp việc Tổng Bí thư Lê Duẩn, và là một thành viên cốt cán của Viện Nghiên cứu Quản lí Kinh tế Trung ương. Nghỉ hưu ở tuổi sáu mươi lăm, ông được Thủ tướng Võ Văn Kiệt kí quyết định cử làm Ủy viên Thường trực của Tổ chuyên gia tư vấn của Thủ tướng. Khi Tổ chuyên gia tư vấn mở rộng ra thành Ban Nghiên cứu đổi mới của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Việt Phương vẫn tiếp tục là Ủy viên thường trực của Ban. Vừa làm kinh tế ông vừa làm thơ. Để rồi, sau *Cửa mở* là *Cửa đã mở* (2008), *Bơ vơ đông đảo* (2009) và *Cỏ dọc đường trần* (2010) ra đời.

Người viết bài này ngồi hỏi chuyện một Việt Phương nhà thơ. Ông kể, Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người có một tâm hồn thơ nhưng không làm một câu thơ nào. Như đã thỏa thuận từ trước, năng thơ là của riêng ông. Tuy không đưa thơ cho Thủ tướng xem, nhưng Việt Phương lại thỉnh thoảng được đọc thơ mình vừa làm để Bác Hồ nghe và cho ý kiến. Cuối những năm năm mươi (của thế kỉ trước) cho đến năm 1969, khi Bác qua đời, nhà thơ Tố Hữu làm thơ thường đọc cho Bác nghe trước khi công bố. Nhiều hôm đọc như thế, Việt Phương được dự.

Sau ngày Bác mất, Việt Phương đã công bố ngay bài thơ *Muôn vàn tình thương yêu trùm lên trên khắp quê hương* (1969) với những câu thơ ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả: “Bác thường để lại đĩa thịt gà mà ăn trọn mấy quả cà xứ Nghệ.” Đầu năm 1970, ông có bài nói chuyện tại Hà Nội với cán bộ, đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, sau này được in thành sách *Một số mẩu chuyện về đời sống hằng ngày của Bác Hồ* (Lưu hành nội bộ - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000).

Bằng chất giọng hào sảng, nhà thơ Việt Phương kể cho người viết bài nghe một kỉ niệm về thơ với Bác cách nay vừa đúng nửa thế kỉ.

Năm 1961, nhà thơ Tố Hữu viết một bài thơ xuân mang vào đọc cho Bác nghe. Khổ đầu của bài thơ như sau:

*Tôi viết bài thơ xuân
Nghìn chín trăm sáu mốt
Lá bàng đỏ rụng ngoài sân
Cành dâu xanh rờn ngõ trước*

Những câu thơ tả thực khuôn viên nhà riêng của nhà thơ Tố Hữu ở 76 Phan Đình Phùng: Sân sau có mấy cây bàng, vào mùa xuân lá bàng đỏ rụng, còn phía trước có cây dâu mùa đông ra lá xanh.

Nghe đọc xong Bác nói ngay:

- Chú viết sai lắm. Mới vào năm 1961 cái mà lá bàng đỏ rụng ngoài sân thế này, không được. Cành dâu mà có xanh rờn ngõ trước thì cũng không bù lại được.

Nhà thơ Tố Hữu tiếp thu. Trở về, ông chữa lại:

*Tôi viết bài thơ xuân
Nghìn chín trăm sáu mốt
Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt
Nắng soi sương giọt long lanh...
Rét nhiều nên ấm nắng hanh
Đắng cay lắm mới ngọt lành đó chẳng?
Giã từ năm cũ bâng khuâng
Đã nghe xuân mới lâng lâng lạ thường...*

Những năm tháng ấy, Văn phòng Chủ tịch nước và Văn phòng Chính phủ ở chung với nhau. Vì vậy, nhiều lần nhà thơ Việt Phương sang giúp việc cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi thì ông đọc cho Bác nghe những tài liệu trong nước và nước ngoài gửi đến để Bác duyệt; hoặc ông đọc những tài liệu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn xin ý kiến Bác. Sau những lúc làm việc xong, trong tình thân Bác - cháu, nhà thơ lại đọc Bác nghe một bài thơ ông mới viết.

Nhìn vào cuộc sống thấy cả mặt sáng và mặt tối. Dù trong thâm tâm mình vẫn luôn hướng về ánh sáng nhưng ông không thể làm ngơ trước cái xấu. Ông làm bài thơ dài hai trang về đời sống xã hội. Làm việc xong với Bác, ông đề nghị:

- Hôm nay cháu có bài thơ mới viết, xin đọc Bác nghe.

Bác Hồ hưởng ứng:

- Ừ, chú đọc đi.

Nhà thơ Việt Phương liền đọc khổ thơ mở đầu:

*Chó không bao giờ ăn thịt chó
Người ăn thịt người xương không bỏ*

*Cuộc đời nhăn nhở như đười ươi
Cuộc đời rình mò như cú vọ
Cuộc đời nham hiểm như cáo già
Cuộc đời độc ác như báo hổ.*

Nghe xong, Bác lắc đầu và bảo:

- Không phải thế đâu chú ạ! Loài vật không xấu xa thế đâu. Đó là định kiến sai lầm của con người gán cho loài vật. Loài vật không xấu xa thế đâu. Loài vật không có như chú viết: nhăn nhở, rình mò, nham hiểm, độc ác. Không phải thế đâu.

Kể xong câu chuyện, nhà thơ Việt Phương nói với người viết bài:

- Ngay mở đầu đã hỏng, tôi bỏ cả bài ấy đi. Từ đó tôi rất là thấm thía học được bài

học từ Bác. Sau này dần dần cho đến lúc lớn thêm nữa, trải nghiệm, tôi hiểu ra được sự sống: Sự sống rộng hơn sự người nhiều lắm. Sự người là từng người và cả loài người. Còn sự sống rộng hơn sự người nhiều. Trong sự sống còn nhiều những thành tố khác, những thành tố bình đẳng với con người mà con người cần tương kính, tương thân, tương ái. Ngay chỉ trên trái đất, đó là cát bụi, đất đá, cây cỏ, chim muông, ngày đêm, sáng tối... Sự sống còn là tất cả vũ trụ này và những vũ trụ khác. Mọi thành tố của sự sống có sự chuyển động của bản thân mình. Có những tác phẩm văn nghệ viết về thiên nhiên cây cỏ, hoa lá, con vật đáng yêu, nhưng đều do con người truyền cho ý nghĩa sự sống và dáng vẻ từ bên ngoài đến bên trong. Thế là cái người ta gọi: "Chủ nghĩa con người trung tâm", thậm chí "chủ nghĩa con người tạo hoá". Điều ấy không đúng đâu.

Nhấp một chén trà ấm, nhà thơ Việt Phương trầm ngâm suy tư. Lát sau, ông lấy từng ví dụ để chứng minh điều mình vừa nói.

Giáo sư Việt kiều Cao Huy Thuần đến chơi đã kể cho ông nghe câu chuyện có những

nhà khoa học ở phương Tây dành cả một đời để nghe tiếng nói của từng loài cây. Trên một mảnh đất độ phì nhiêu như nhau, khí hậu như nhau, người ta trồng một loại cây cùng một lúc, ra cùng một thứ hoa, cùng một thứ quả. Người ta tưới bón chăm sóc giống y như nhau, chỉ có một điều khác duy nhất: Một cây họ cứ lặng yên chăm sóc, còn một cây trong khi chăm sóc thì họ nói chuyện với cây, tâm sự với cây vào lúc trời nắng, vào lúc trời mưa, vào lúc ra mầm mới, vào lúc rụng lá... Có điều gì trong cuộc sống, niềm vui, nỗi buồn họ cùng tâm sự với cây. Kết quả là cây đó ra hoa sớm hơn hẳn và có quả ngọt hơn hẳn cây kia.

Vợ chồng giáo sư toán học Phan Đình Diệu lại kể cho ông nghe câu chuyện về hai cây cau vua cao to trong khoảnh vườn của mình: "Cây cau vua nhà tôi, hai vợ chồng tôi đếm đã 200 lần rơi lá, không có lần nào lá cây cau rơi xuống mà gây tổn thương hay làm hại, gây khó khăn gì cho cây ở dưới, cứ như là nó lựa chọn ấy. Nó chọn lúc nào thì rơi, theo chiều gió như thế nào, lá rơi xuống cách ra làm sao, đi theo những đường lượn

thế nào, không bao giờ gây tổn hại cho cây ở dưới cả. Mà đến 200 lần. Có lẽ nào lại không có một tí ý thức nào? Tôi phải khẩn và tôi phải khâm phục cây ấy. Nó tôn trọng các cây khác đến như thế.”

Còn vợ nhà thơ Việt Phương, bà Trần Tú Lan, con gái đầu của hai nhà cách mạng lão thành Vũ Văn Tân và Nguyễn Thị Phương Hoa, có một con chó và một con mèo. Dường như có sự giao lưu giữa bà chủ với hai con vật nuôi đó rất rõ rệt. Bà nói cái gì hầu như nó hiểu cả.

- Cho nên dần dần tôi thấm thía được câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không phải thế đâu chú ạ. Đó là định kiến sai lầm của con người. Loài vật không xấu xa như thế!”

Nhà thơ Việt Phương kết thúc câu chuyện của mình bằng một lời đúc kết đầy tâm đắc.

Mục lục

<i>Lời nói đầu</i>	3
• Người bảo vệ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Pác Bó	7
• Học Bác suốt đời.....	15
• Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền văn hóa Việt Nam những ngày đầu cách mạng.....	22
• Từ sức hấp dẫn lôi cuốn diệu kì của Bác Hồ	31
• Người trí thức dân thân	43
• Tấm lòng yêu thương của Bác Hồ	54
• Chiếc áo Bác Hồ	64
• Chữa răng Bác Hồ ở Chiến khu Việt Bắc.....	76
• Phút giải lao của Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp	83
• Cán bộ nữ phải sát quần chúng.....	93
• Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.....	102
• Luôn luôn nhớ ơn Bác Hồ	113
• Bác Hồ với ngư dân Sầm Sơn	123
• Bác Hồ về thăm lại Pác Bó.....	129
• Bác giáo dục chuyện sinh hoạt hằng ngày.....	135
• Bác Hồ góp ý sửa thơ	141